

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 07 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn ông D có mặt, bị đơn bà B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn ông Phạm Văn D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị B1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay ông nhận thấy

không thể tiếp tục hàn gắn cuộc hôn nhân này, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Có 03 con chung, Phạm Thị Thu T, sinh ngày 25/9/1992; Phạm Vũ T1, sinh ngày 08/5/1993 và Phạm Thanh P, sinh ngày 19/12/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho bà B. Nhưng bà B không đến Tòa án để có ý kiến trình bày.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà B vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn D khởi kiện bà Nguyễn Thị B có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà B ly hôn nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 1995 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông D cho rằng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi; đối với bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không đến để trình bày ý kiến cũng như để Tòa án tiến hành hòa giải hàn gắn, cho thấy bà B đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của ông D và bà B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên chấp nhận cho ông D được ly hôn bà B là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung, Phạm Thị Thu T, sinh ngày 25/9/1992; Phạm Vũ T1, sinh ngày 08/5/1993 và Phạm Thanh P, sinh ngày 19/12/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Ông D khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông D phải chịu 300.000đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000876 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D ly hôn với bà Nguyễn Thị B.
2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Văn D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000876 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND xã Hòa Tiến, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị P1